

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYỀN QUANG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2072/SNN-TTr
V/v lấy ý kiến dự thảo Nghị định sửa đổi,
bổ sung Nghị định số 63/2013/NĐ-CP
ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định
về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh
vực hóa chất, phân bón và vật liệu
nổ công nghiệp.

Tuyên Quang, ngày 14 tháng 9 năm 2015

Kính gửi:

- Phòng Trồng Trọt;
- Các Chi cục: Bảo vệ thực vật; Thủy sản; Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản.

Thực hiện Văn bản số 9099/BCT-HC ngày 01/9/2015 của Bộ Công thương về việc lấy ý kiến Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 163/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất, phân bón và vật liệu nổ công nghiệp,

Để có ý kiến thiết thực việc thực thi yêu cầu nhiệm vụ xử lý vi phạm hành chính của ngành Nông nghiệp và PTNT về lĩnh vực trên, Sở Nông nghiệp và PTNT yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị (*như Kính gửi*) tham gia ý kiến vào Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 163/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất, phân bón và vật liệu nổ công nghiệp;

Nội dung của dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 163/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất, phân bón và vật liệu nổ công nghiệp;

(*Nội dung dự thảo Nghị định và Bản thuyết minh dự thảo Nghị định được đăng trên Trang thông tin điện tử của Sở*);

Báo cáo kết quả tham gia ý kiến gửi Giám đốc Sở (*qua Thanh tra sở*) trước ngày 17/9/2015;

Thanh tra Sở có trách nhiệm tổng hợp, tham mưu cho Giám đốc Sở tham gia ý kiến theo kết quả triển khai và theo quy định.

Yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị khẩn trương, nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi (thực hiện);
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu VT, TTr (M.09b).



Số: /2013/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2015

DỰ THẢO 2
(Lấy ý kiến)

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất, phân bón và vật liệu nổ công nghiệp

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 202/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về quản lý phân bón;

Căn cứ Nghị định số 38/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quản lý hóa chất thuộc diện kiểm soát của Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất, phân bón và vật liệu nổ công nghiệp.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất, phân bón và vật liệu nổ công nghiệp

1. Bổ sung Điểm d vào Khoản 1 Điều 5 như sau:

“d) Cơ sở hoạt động hóa chất không thực hiện theo quy định việc huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất cho các đối tượng gồm người lãnh đạo, người quản lý các bộ phận liên quan trực tiếp đến hoạt động hóa chất, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh, vận chuyển, cất giữ, bảo quản, sử dụng hóa chất”.

2. Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 5 như sau:

“3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không xây dựng Kế hoạch hoặc Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất (không áp dụng đối với lĩnh vực xăng dầu và LPG).”

3. Bổ sung Khoản 4 Điều 5 như sau:

“4a. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không có Phiếu an toàn hóa chất đối với hóa chất nguy hiểm trước khi đưa hóa chất vào sử dụng, lưu thông trên thị trường”.

4. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Khoản 3 Điều 17 như sau:

“2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 không đúng với nội dung ghi trong Giấy phép; xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 3, hóa chất Bảng 2 không đúng với nội dung ghi trong Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu; chuyển nhượng Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu cho doanh nghiệp khác; Xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2 với mọi tổ chức, cá nhân của quốc gia không phải là thành viên Công ước Cấm vũ khí hóa học; xuất khẩu hóa chất Bảng 3 với mọi tổ chức, cá nhân của quốc gia không phải là thành viên Công ước mà không có giấy chứng nhận sử dụng cuối cùng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của quốc gia này.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 không có Giấy phép; xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 3, hóa chất Bảng 2 không có Giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”.

5. Bổ sung Điểm a Khoản 1 Điều 18 như sau:

“a) Phát triển, sản xuất, chế biến, tiêu dùng, kinh doanh, sở hữu, tàng trữ, sử dụng các hóa chất độc và tiền chất của chúng, các hóa chất Bảng 1 không được phép;”

6. Bổ sung Điểm a Khoản 2 Điều 18 như sau:

“a) Không khai báo hoặc khai báo không đúng thực tế sản xuất, chế biến, tiêu dùng, cất giữ hóa chất Bảng 1; không thông báo, không khai báo hoặc khai báo không đúng thực tế số lượng, loại hóa chất xuất khẩu, nhập khẩu; thông báo, khai báo hóa chất Bảng 1 không đúng thời hạn quy định;”.

7. Sửa đổi Điều 19 như sau:

“Điều 19. Vi phạm quy định về Giấy phép sản xuất phân bón và điều kiện sản xuất, gia công phân bón

1. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với tổ chức cơ sở sản xuất phân bón không bố trí người có trình độ chuyên môn về hóa, lý hoặc sinh học hoặc nông hóa, nông nghiệp trong đội ngũ kỹ thuật của cơ sở sản xuất.

2. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không có kho chứa nguyên liệu, chứa sản phẩm trong quá trình sản xuất, gia công phân bón.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không có hợp đồng với phòng thử nghiệm được cơ quan có thẩm quyền chỉ định để đánh giá chất lượng phân bón hoặc có hợp đồng nhưng không thực hiện thử nghiệm chất lượng phân bón.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi tự ý viết thêm, tẩy xóa, sửa chữa các nội dung trong Giấy phép sản xuất phân bón.

5. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi nhận gia công phân bón nhưng không có hợp đồng gia công được ký kết giữa bên nhận gia công và bên thuê gia công.

6. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất phân bón không đúng loại phân bón được quy định trong Giấy phép.

7. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 55.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất, gia công phân bón không có Giấy phép sản xuất, gia công phân bón do cơ quan có thẩm quyền cấp.

8. Phạt tiền từ 55.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất phân bón không có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh không có ngành nghề sản xuất phân bón do cơ quan có thẩm quyền cấp.

9. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng đối với hành vi tiếp tục sản xuất phân bón khi cơ quan có thẩm quyền đã đình chỉ hoạt động, tước quyền sử dụng hoặc thu hồi Giấy phép.

10. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động cho đến khi có giấy phép hợp pháp đối với hành vi quy định tại Khoản 7 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động của cơ sở sản xuất, gia công phân bón từ 01 tháng đến 02 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 8 và Khoản 9 Điều này.

11. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 9 Điều này”.

8. Sửa đổi Điều 20, Điều 22 gộp thành Điều 20 như sau:

“Điều 20. Vi phạm quy định về chất lượng phân bón

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Một chỉ tiêu kỹ thuật bắt buộc trong phân đạm, phân lân, phân kali,

phân trung, phân vi lượng, phân phức hợp, phân hỗn hợp không đạt mức quy định so với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng hoặc theo tiêu chuẩn do người sản xuất, nhập khẩu công bố áp dụng;

b) Một chỉ tiêu chất lượng chính của phân bón hữu cơ, phân bón hữu cơ khoáng, phân bón khoáng hữu cơ, phân bón hữu cơ vi sinh, phân bón hữu cơ sinh học, phân bón sinh học, phân bón vi sinh và phân bón lá không đạt mức hàm lượng quy định so với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng hoặc theo tiêu chuẩn công bố áp dụng của tổ chức, cá nhân có phân bón.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Hai chỉ tiêu kỹ thuật bắt buộc trong phân đạm, phân lân, phân kali, phân trung, phân vi lượng, phân phức hợp, phân hỗn hợp không đạt mức quy định so với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng hoặc theo tiêu chuẩn do người sản xuất, nhập khẩu công bố áp dụng;

b) Hai chỉ tiêu chất lượng chính của phân bón hữu cơ, phân bón hữu cơ khoáng, phân bón khoáng hữu cơ, phân bón hữu cơ vi sinh, phân bón hữu cơ sinh học, phân bón sinh học, phân bón vi sinh và phân bón lá không đạt mức hàm lượng quy định so với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng hoặc theo tiêu chuẩn công bố áp dụng của tổ chức, cá nhân sản xuất phân bón.

3. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Ba chỉ tiêu kỹ thuật bắt buộc trong phân đạm, phân lân, phân kali, phân trung, phân vi lượng, phân phức hợp, phân hỗn hợp không đạt mức quy định so với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng hoặc theo tiêu chuẩn do người sản xuất, nhập khẩu công bố áp dụng;

b) Ba chỉ tiêu chất lượng chính của phân bón hữu cơ, phân bón hữu cơ khoáng, phân bón khoáng hữu cơ, phân bón hữu cơ vi sinh, phân bón hữu cơ sinh học, phân bón sinh học, phân bón vi sinh và phân bón lá không đạt mức hàm lượng quy định so với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng hoặc theo tiêu chuẩn công bố áp dụng của tổ chức, cá nhân có phân bón.

4. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm yếu tố hạn chế đối với phân bón hữu cơ, phân bón hữu cơ khoáng, phân bón khoáng hữu cơ, phân bón hữu cơ vi sinh, phân bón hữu cơ sinh học, phân bón sinh học, phân bón vi sinh và phân bón lá.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh phân bón đã quá thời hạn sử dụng ghi trên bao bì.

6. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh loại phân bón đã bị đình chỉ sản xuất, đình chỉ tiêu thụ.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh, chứng chỉ hành nghề từ 01

tháng đến 02 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 5 và Khoản 6 Điều này trong trường hợp vi phạm nhiều lần hoặc tái phạm;

b) Đình chỉ hoạt động của cơ sở kinh doanh phân bón từ 01 tháng đến 02 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 6 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thu hồi để tái chế lại phân bón đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 5 Điều này”.

9. Sửa đổi Điều 21 như sau:

“Điều 21. Vi phạm quy định về điều kiện kinh doanh phân bón

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không có biển hiệu, không có bảng giá bán công khai từng loại phân bón được niêm yết ở nơi dễ thấy, dễ đọc tại cửa hàng hoặc địa điểm kinh doanh phân bón.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không có chứng từ hợp pháp chứng minh rõ nguồn gốc nơi sản xuất, nơi nhập khẩu hoặc nơi cung cấp loại phân bón hoặc có chứng từ nhưng nơi sản xuất, nơi nhập khẩu không có tên trong Danh sách cấp Giấy phép sản xuất phân bón vô cơ hoặc Danh sách phân bón vô cơ đã công bố hợp quy trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Công Thương hoặc Danh sách tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép sản xuất phân bón hữu cơ và phân bón khác, Danh sách phân bón hữu cơ và phân bón khác đã công bố hợp quy trên trang Website của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cục Trồng trọt)”.

10. Sửa đổi Điều 23 như sau:

“Điều 23. Vi phạm quy định về nhập khẩu phân bón

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi tự viết thêm, tẩy xóa, sửa chữa các nội dung trong Giấy phép nhập khẩu phân bón cho mục đích: Để khảo nghiệm; chuyên dùng cho sân thể thao, khu vui chơi giải trí; chuyên dùng của các công ty có vốn đầu tư nước ngoài để phục vụ cho sản xuất trong phạm vi của công ty; phân bón sử dụng trong các dự án của nước ngoài tại Việt Nam, làm quà tặng, làm hàng mẫu; phân bón tham dự hội chợ, triển lãm; phục vụ nghiên cứu khoa học.

2. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu phân bón không có tên trong Danh sách phân bón vô cơ đã công bố hợp quy trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Công Thương hoặc Danh sách phân bón hữu cơ và phân bón khác đã công bố hợp quy trên trang Website của Cục Trồng trọt.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu sản phẩm phân bón không có Giấy chứng nhận hợp quy hoặc phiếu kết quả thử nghiệm lô phân bón nhập khẩu do Phòng thử nghiệm phân bón được chỉ

định cấp hoặc Phiếu kết quả thử nghiệm/Giấy chứng nhận do một tổ chức thử nghiệm hoặc tổ chức chứng nhận phân bón của nước ký kết Hiệp định/Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau (MRA) với Việt Nam cấp.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hồi Giấy phép nhập khẩu phân bón đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này.

b) Buộc phải thực hiện chứng nhận hợp quy để có Giấy chứng nhận hợp quy hoặc phiếu kết quả thử nghiệm lô phân bón nhập khẩu do Phòng thử nghiệm phân bón được chỉ định cấp hoặc Phiếu kết quả thử nghiệm/Giấy chứng nhận do một tổ chức thử nghiệm hoặc tổ chức chứng nhận phân bón của nước ký kết Hiệp định/Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau (MRA) với Việt Nam cấp đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này.”

11. Sửa Điều 24 như sau:

“Điều 24. Vi phạm quy định về lấy mẫu phân bón

1. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây vi phạm quy định về lấy mẫu phân bón để đánh giá chứng nhận hợp quy hoặc phục vụ quản lý nhà nước (trong đó có phục vụ xử lý vi phạm hành chính):

a) Không hoặc chưa có chứng chỉ đào tạo về lấy mẫu phân bón đã thực hiện việc lấy mẫu phân bón;

b) Không áp dụng phương pháp lấy mẫu theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc theo tiêu chuẩn quốc gia về lấy mẫu phân bón;

c) Không áp dụng phương pháp phân tích mẫu theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc theo tiêu chuẩn quốc tế hoặc tiêu chuẩn cơ sở được nhà sản xuất, nhà nhập khẩu công bố áp dụng.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không tự công bố phương pháp lấy mẫu, phương pháp phân tích theo tiêu chuẩn cơ sở đối với phân bón chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc tiêu chuẩn quốc gia về phương pháp lấy mẫu, phương pháp phân tích theo tiêu chuẩn cơ sở.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc hủy bỏ kết quả lấy mẫu, kết quả phân tích phân bón đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này.”

12. Sửa Điều 25, Điều 26 để gộp thành Điều 25 như sau:

“Điều 25. Vi phạm quy định về khảo nghiệm phân bón

1. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây vi phạm quy định về khảo nghiệm phân bón, lưu giữ hồ sơ khảo nghiệm phân bón:

a) Không gửi đề cương khảo nghiệm phân bón đã được phê duyệt cho địa phương nơi khảo nghiệm để có căn cứ kiểm tra việc thực hiện khảo nghiệm phân bón;

b) Không lưu giữ hồ sơ khảo nghiệm phân bón.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cung cấp kết quả sai so với kết quả khảo nghiệm phân bón;

b) Không thực hiện khảo nghiệm phân bón hoặc thực hiện khảo nghiệm không đúng quy định nhưng vẫn cấp kết quả khảo nghiệm hoặc quyết định việc đưa phân bón đã qua khảo nghiệm vào sản xuất hoặc nhập khẩu.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây vi phạm quy định về điều kiện để được thực hiện khảo nghiệm phân bón:

a) Không đáp ứng yêu cầu về nhân lực vẫn thực hiện khảo nghiệm phân bón;

b) Không có chức năng, nhiệm vụ khảo nghiệm phân bón hoặc nghiên cứu phân bón theo quyết định thành lập do cơ quan có thẩm quyền cấp vẫn thực hiện khảo nghiệm phân bón;

c) Không có Giấy phép sản xuất phân bón đối với cơ sở sản xuất phân bón; không có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trong đó có ngành nghề phân bón đối với cơ sở chuyên nhập khẩu phân bón để kinh doanh vẫn thực hiện khảo nghiệm phân bón.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động khảo nghiệm phân bón từ 01 vụ đến 02 vụ khảo nghiệm đối với vi phạm quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này.

b) Hủy bỏ các kết quả đã khảo nghiệm.”

13. Sửa Điều 27 như sau:

“Điều 27. Vi phạm quy định về đặt tên phân bón

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi tên phân bón gây nhầm lẫn về bản chất, công dụng của phân bón.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thu hồi sản phẩm phân bón đang lưu thông trên thị trường đối với vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này.”

14. Bổ sung Khoản 4, Khoản 5 vào Điều 39 như sau:

“Điều 39. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra chuyên ngành

4. Trưởng đoàn Thanh tra chuyên ngành cấp Bộ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 70% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực hóa chất, phân bón, vật liệu nổ công nghiệp;
- c) Tước quyền sử dụng Giấy phép, Giấy chứng nhận trong lĩnh vực hóa chất, phân bón, vật liệu nổ công nghiệp hoặc đình chỉ có thời hạn hoạt động hóa chất, phân bón và vật liệu nổ công nghiệp quy định tại Nghị định này và Nghị định số 163/2013/NĐ-CP;
- d) Tịch thu giao cơ quan chức năng xử lý tang vật, phương tiện vi phạm trong lĩnh vực phân bón quy định tại Nghị định này và trong lĩnh vực hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp quy định tại Nghị định số 163/2013/NĐ-CP;
- đ) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực phân bón quy định tại Nghị định này và trong lĩnh vực hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp quy định tại Nghị định số 163/2013/NĐ-CP.

5. Trưởng đoàn Thanh tra chuyên ngành cấp Sở, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của cơ quan quản lý nhà nước được giao chức năng thành tra chuyên ngành quy định tại Khoản 4 Điều 46 Luật Xử lý vi phạm hành chính có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 50% mức tiền phạt tối đa đối với lĩnh vực hóa chất, phân bón, vật liệu nổ công nghiệp nhưng không quá 50.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng Giấy phép, Giấy chứng nhận trong lĩnh vực hóa chất, phân bón, vật liệu nổ công nghiệp hoặc đình chỉ có thời hạn hoạt động hóa chất, phân bón và vật liệu nổ công nghiệp quy định tại Nghị định này và Nghị định số 163/2013/NĐ-CP;
- d) Tịch giao cơ quan chức năng xử lý thu tang vật, phương tiện vi phạm trong lĩnh vực phân bón quy định tại Nghị định này và trong lĩnh vực hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp quy định tại Nghị định số 163/2013/NĐ-CP;
- đ) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực phân bón quy định tại Nghị định này và trong lĩnh vực hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp quy định tại Nghị định số 163/2013/NĐ-CP”.

15. Bổ sung Khoản 3 vào Điều 40 như sau:

“3. Thẩm quyền của Quản lý thị trường:

1. Kiểm soát viên thị trường đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 500.000 đồng trong lĩnh vực phân bón quy định tại Nghị định này và trong lĩnh vực hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp quy định tại Nghị định số 163/2013/NĐ-CP.

2. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng trong lĩnh vực phân bón quy định tại Nghị định này và trong lĩnh vực hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp quy định tại Nghị định số 163/2013/NĐ-CP;

c) Tịch thu giao cơ quan chức năng xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực phân bón quy định tại Nghị định này và trong lĩnh vực hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp quy định tại Nghị định số 163/2013/NĐ-CP có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản này;

d) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực phân bón quy định tại Nghị định này và trong lĩnh vực hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp quy định tại Nghị định số 163/2013/NĐ-CP.

3. Chi Cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương, Trưởng phòng chống buôn lậu, Trưởng phòng chống hàng giả, Trưởng phòng kiểm soát chất lượng hàng hóa thuộc Cục Quản lý thị trường có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng trong lĩnh vực phân bón quy định tại Nghị định này và trong lĩnh vực hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp quy định tại Nghị định số 163/2013/NĐ-CP;

c) Tịch thu giao cơ quan chức năng xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực phân bón quy định tại Nghị định này và trong lĩnh vực hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp quy định tại Nghị định số 163/2013/NĐ-CP có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản này;

d) Tước quyền sử dụng Giấy phép, Giấy chứng nhận trong lĩnh vực hóa chất, phân bón, vật liệu nổ công nghiệp hoặc đình chỉ có thời hạn hoạt động hóa chất, phân bón và vật liệu nổ công nghiệp quy định tại Nghị định này và Nghị định số 163/2013/NĐ-CP;

đ) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực phân bón quy định tại Nghị định này và trong lĩnh vực hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp quy định tại Nghị định số 163/2013/NĐ-CP”.

4. Cục trưởng Cục Quản lý thị trường có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng trong lĩnh vực hóa chất; phạt tiền đến 100.000.000 đồng trong lĩnh vực phân bón, vật liệu nổ công nghiệp;

c) Tịch thu giao cơ quan chức năng xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực phân bón quy định tại Nghị định này và trong lĩnh vực hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp quy định tại Nghị định số 163/2013/NĐ-CP có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản này;

d) Tước quyền sử dụng Giấy phép, Giấy chứng nhận trong lĩnh vực hóa chất, phân bón, vật liệu nổ công nghiệp hoặc đình chỉ có thời hạn hoạt động hóa chất, phân bón và vật liệu nổ công nghiệp quy định tại Nghị định này và Nghị định số 163/2013/NĐ-CP;

đ) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực phân bón quy định tại Nghị định này và trong lĩnh vực hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp quy định tại Nghị định số 163/2013/NĐ-CP”.

Điều 2. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2015.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các Tập đoàn: TKV, Dầu khí, Hóa chất.
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTN (3b).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Tấn Dũng